

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-ST
Ngày: 17-5-2018
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Khá và bà Đào Thị Ngâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Siêng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Linh – Kiểm sát viên.

Vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST-DS ngày 01/02/2018 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/QĐXX-ST ngày 02/4/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần K; Địa chỉ: 40-42-44 P, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm: 1990 – Phó Phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Phú Yên; Địa chỉ: 97 N, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2018).

2. *Bị đơn:*

- Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: thôn P, xã B, thành phố T, Phú Yên.

- Anh Lê Văn T, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: thôn P, xã B, thành phố T, Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Ngày 14/4/2017, bà Nguyễn Thị Hồng N và anh Lê Văn T có vay Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Phú Yên tổng số tiền 20.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số A191048/HĐTD-CC, mục đích vay là tiêu dùng, thời hạn vay 180 ngày, lãi suất cho vay 14.94%/năm, lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả; trả góp hàng từ ngày 15/4/2017 đến ngày 11/10/2017; số tiền trả mỗi ngày là: 19.296đ, ngày cuối là: 119.496đ.

Tài sản để đảm bảo cho Hợp đồng vay số A191048/HĐTD-CC là cầm cố xe máy hiệu YAMAHA NOUVO FI GP, có số khung RLCN1DB10EY246654, số máy 1DB1246661, biển số 78C1-253.71 của anh Lê Văn T. Trên cơ sở biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản, Ngân hàng đã gửi tài sản cầm cố cho bà Nguyễn Thị Hồng N và anh Lê Văn T vào ngày 14/4/2017.

Quá trình thanh toán nợ, bà N, anh T đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ được 113 kỳ thanh toán (từ ngày 15/4/2017 đến ngày 05/8/2017). Kể từ kỳ thanh toán 114 (ngày 06/8/2017) đến kỳ thanh toán 180 (ngày 11/10/2017), bà N anh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 02/4/2018, bà N, anh T còn nợ Ngân hàng 9.022.990 đồng (gốc: 7.436.932 đồng, lãi trong hạn: 556.100 đồng, lãi quá hạn: 1.029.958 đồng). Do đó, Ngân hàng buộc bà N, anh T phải thanh toán cho Ngân hàng K số tiền trên và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 03/4/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp bà N, anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không trả đủ nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản cầm cố để thi hành án.

* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Ngân hàng TMCP K do ông Phan Văn T làm đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 17/5/2018) bà Nguyễn Thị Hồng N, anh Lê Văn T còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết tổng cộng là 9.246.895 đồng, trong đó: gốc

là 7.436.932 đồng, lãi trong hạn là 556.100 đồng, lãi quá hạn là 1.253.863 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 309, 314, 463, 464, 466, 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi còn nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng đã ký kết. Nếu bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu xử lý tài sản cầm cố. Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N, anh Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện: Ngày 14/4/2017, bà Nguyễn Thị Hồng N, anh Lê Văn T có ký với Ngân hàng TMCP K – chi nhánh Phú Yên Hợp đồng tín dụng số A191048/HĐTD-CC để vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng, thời hạn vay 180 ngày, lãi suất cho vay 14.94%/năm, lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Bà N, anh T đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán được cho Ngân hàng K 113 kỳ. Đến kỳ thanh toán thứ 114, bà N, anh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ như hợp đồng đã ký kết. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 17/5/2018), bà Nguyễn Thị Hồng N, anh Lê Văn T còn nợ của Ngân hàng TMCP K theo Hợp đồng tín dụng số A191048/HĐTD-CC đã ký kết ngày 14/4/2017 số tiền tổng cộng là 9.246.895 đồng, trong đó: gốc là 7.436.932 đồng, lãi trong hạn là 556.100 đồng, lãi quá hạn là 1.253.863 đồng.

[3] Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị Hồng N, anh Lê Văn T vi phạm kỳ hạn thanh toán, từ kỳ hạn 114 đến nay không thanh toán nợ gốc và lãi khi đến hạn cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N, anh Lê Văn T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP K số tiền vay còn nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 17/5/2018) theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết tổng cộng là 9.246.895 đồng, trong đó: gốc là 7.436.932 đồng, lãi trong hạn là 556.100 đồng, lãi quá hạn là 1.253.863 đồng và tiếp tục phải trả lãi theo thỏa thuận trong

hợp đồng cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

[4] Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là xe máy hiệu YAMAHA NOUVO FI GP, có số khung RLCN1DB10EY246654, số máy 1DB1246661, biển số 78C1-253.71, để thi hành án.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 309, 314, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N và anh Lê Văn T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP K số tiền vay còn nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 17/5/2018) theo Hợp đồng tín dụng số A191048/HĐTD-CC, ngày 14/4/2017 tổng cộng là 9.246.895 đồng (*Chín triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng*), trong đó: gốc là 7.436.932 đồng, lãi trong hạn là 556.100 đồng, lãi quá hạn là 1.253.863 đồng.

Trường hợp bị đơn không thực hiện việc trả nợ hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu xử lý tài sản cầm cố theo Hợp đồng tín dụng số A191048/HĐTD-CC ngày 14/4/2017 và Biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản ngày 14/4/2017 ký kết giữa Ngân hàng TMCP K và bà Nguyễn Thị Hồng N, anh Lê Văn T để thi hành án.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N, anh Lê Văn T phải chịu 462.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (mỗi người phải chịu 231.000 đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP K 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0009885, ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA